

Số: 93/TB-ĐHTL-PH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Về triển khai kế hoạch học kỳ 1 năm học 2026-2027 đối với sinh viên khóa 68 trình độ đại học chính quy tại Phân hiệu

Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-ĐHTL ngày 01/7/2026 về ban hành kế hoạch đào tạo năm học 2026-2027 của Trường Đại học Thủy lợi;

Căn cứ chương trình đào tạo Khóa 68 trình độ Đại học chính quy.

Phân hiệu trường Đại học Thủy lợi thông báo về triển khai kế hoạch học kỳ 1 năm học 2026-2027 đối với sinh viên khóa 68 trình độ đại học chính quy tại Phân hiệu cụ thể như sau:

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập học kỳ 1 năm học 2026-2027:

Tổng thời gian học kỳ 1 năm học 2026-2027 là 19 tuần bắt đầu từ ngày 21/9/2026 đến ngày 31/01/2027, trong đó:

- Thời gian học: 16 tuần từ ngày 21/9/2026 đến ngày 10/01/2027.
- Thời gian thi: 03 tuần từ ngày 11/01/2027 đến ngày 31/01/2027.

2. Các ngày nghỉ lễ:

- Ngày Quốc Khánh: Thứ Tư ngày 02/9/2026, sinh viên được nghỉ 05 ngày từ 29/8/2026 đến hết 02/09/2026;
- Ngày Hội nghị Khoa học thường niên 2026: Chủ Nhật ngày 15/11/2026. Đề nghị tất cả Giảng viên, Sinh viên, Học viên cao học và Nghiên cứu sinh tham dự đầy đủ;
- Ngày Nhà giáo Việt Nam: Thứ Sáu ngày 20/11/2026;
- Ngày văn hóa Việt Nam: Thứ Ba ngày 24/11/2026;
- Tết Dương lịch: Thứ Sáu ngày 01/01/2027.

3. Lịch đăng ký học phần:

- Đăng ký học phần được thực hiện bằng tài khoản đăng ký học tại phần mềm quản lý của nhà trường: <https://sv.tlu.edu.vn/>.
- Hướng dẫn đăng ký học phần: [Sinh viên xem tại đây](#)
- Thời gian đăng ký học: Sinh viên khóa 68 đăng ký bổ sung học phần học chung từ 8h00 ngày 17/9/2026 đến 23h00 ngày 19/9/2026.
- Sinh viên K67 trở về trước đăng ký cùng K68 sẽ được thông báo sau.

4. Một số lưu ý:

- Danh sách dự kiến môn mở cho từng ngành học K68 tại học kỳ 1 năm học 2026-2027 xem các Phụ lục kèm theo;
- Giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập đơn đốc và hỗ trợ sinh viên đăng ký học theo đúng chức năng nhiệm vụ;
- Phòng Tổ chức - Hành Chính - Quản trị cử cán bộ kỹ thuật trực hạ tầng mạng trong thời gian sinh viên đăng ký.

Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi yêu cầu các đơn vị và cá nhân liên quan nghiêm túc thực hiện nội dung thông báo này./.

Nơi nhận:

- BGĐ (để b/c);
- Các Bộ môn, CVHT;
- Sinh viên (qua website)
- Lưu VT, P. QLĐT (NC.05b)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

PGS.TS Nguyễn Đăng Tính

PHỤC LỤC: DANH SÁCH HỌC PHẦN MỞ CHO KHÓA 68
TẠI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027

*(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHTL-PH ngày tháng năm 2026
của Phân hiệu Trường Đại học Thủy lợi)*

1. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Hóa học đại cương	CHEM112	Kỹ thuật hóa học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
5	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
6	Nhập môn ngành Xây dựng và quản lý công trình thủy	IHSE101	Thủy công	2	BB	Kiến thức ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

2. Ngành Kỹ thuật xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Hóa học đại cương	CHEM112	Kỹ thuật hóa học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
5	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
6	Nhập môn ngành kỹ thuật xây dựng	CEST410	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2	BB	Kiến thức ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

3. Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Hóa học đại cương	CHEM112	Kỹ thuật hóa học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
5	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
6	Nhập môn ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng	PRIN252	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Kiến thức ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

4. Xây dựng và quản lý đô thị thông minh

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	SSE111	Phát triển kỹ năng	3	BB	Kỹ năng
4	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
5	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
6	Nhập môn ngành Xây dựng và Quản lý đô thị thông minh	CEST410	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2	BB	Kiến thức ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

5. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Hóa học đại cương	CHEM112	Kỹ thuật hóa học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
5	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
6	Nhập môn ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	CETT410	Công trình giao thông	2	BB	Kiến thức ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

6. Ngành Quản lý xây dựng (C)

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
3	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
4	Kinh tế học	CET111	Kinh tế	3	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
5	Quản trị học	BACU101	Quản trị kinh doanh	2	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
6	Nhập môn Quản lý xây dựng	ICM111	Công nghệ và quản lý xây dựng	2	BB	Kiến thức cơ sở ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			15		

7. Ngành Kỹ thuật tài nguyên nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Vật lý 1	PHYS112	Vật lý	3	BB	Khoa học tự nhiên
5	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
6	Nhập môn Kỹ thuật tài nguyên nước	IWRE212	Kỹ thuật tài nguyên nước	2	BB	Kiến thức ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

8. Kỹ thuật thủy lợi thông minh

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	SSE111	Phát triển kỹ năng	3		
4	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
5	Kỹ năng số và khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
6	Nhập môn ngành kỹ thuật thủy lợi thông minh	IHSE101	Thủy công	2	BB	Kiến thức ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

9. Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Vật lý 1	PHYS112	Vật lý	3	BB	Khoa học tự nhiên
5	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
6	Nhập môn Kỹ thuật cấp thoát nước	PRIN121	Cấp thoát nước	2	BB	Kiến thức cơ sở ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

10. Ngành Công nghệ thông tin

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	SSE111	Phát triển Kỹ năng	3	BB	Kỹ năng
2	Giải tích hàm một biến	MATH111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
3	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
4	Nhập môn lập trình	CSE111	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
5	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			12		

11. Ngành Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	SSE111	Phát triển Kỹ năng	3	BB	Kỹ năng
2	Giải tích hàm một biến	MATH111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
3	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
4	Nhập môn lập trình	CSE111	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
5	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			12		

12. Ngành Kế toán

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn Quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Toán cho các nhà kinh tế	MATHEC112	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
5	Tài chính - Tiền tệ	ACC101	Tài chính	2	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
6	Nguyên lý kinh tế vi mô	ECON335	Kinh tế	3	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

13. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	SSE111	Phát triển kỹ năng	3	BB	Kỹ năng
3	Toán cho các nhà kinh tế	MATHEC112	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
5	Nguyên lý kinh tế vi mô	ECON335	Kinh tế	3	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
6	Quản trị học	BACU101	Quản trị kinh doanh	2	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

14. Công nghệ tài chính

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Toán cho các nhà kinh tế	MATHEC112	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
3	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
4	Nguyên lý kinh tế vi mô	ECON335	Kinh tế	3	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
5	Quản trị học	BACU101	Quản trị kinh doanh	2	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
6	Tài chính - Tiền tệ	ACC101	Tài chính	2	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
7	Văn hóa doanh nghiệp	BAEU305	Quản trị kinh doanh	2	TC	Tự chọn ngành, chuyên ngành
8	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			17		

15. Ngành Kinh tế xây dựng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn Quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Vật lý 1	PHYS112	Vật lý	3	BB	Khoa học tự nhiên
3	Giải tích 1	MATHC111	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
5	Kinh tế học	CET111	Kinh tế	3	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
6	Quản trị học	BACU101	Quản trị kinh doanh	2	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
7	Nhập môn Kinh tế xây dựng	ICE112	Kinh tế xây dựng	2	BB	Kiến thức cơ sở ngành
8	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			18		

16. Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
3	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
4	Nguyên lý kinh tế vi mô	ECON335	Kinh tế	3	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
5	Quản trị học	BACU101	Quản trị kinh doanh	2	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
6	Kinh tế thương mại dịch vụ	LSCU102	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	BB	Kiến thức cơ sở ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

17. Ngành Thương mại điện tử

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	SSE111	Phát triển kỹ năng	3	BB	Kỹ năng
3	Toán cho các nhà kinh tế	MATHEC112	Toán học	3	BB	Khoa học tự nhiên
4	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
5	Nguyên lý kinh tế vi mô	ECON335	Kinh tế	3	BB	Kiến thức cơ sở khối ngành
6	Tư duy kinh doanh và định hướng nghề nghiệp Thương mại điện tử	BTCO112	Thương mại điện tử	2	BB	KT ngành, chuyên ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

18. Ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Pháp luật đại cương	GEL111	Luật	2	BB	Lý luận chính trị
2	Luyện âm tiếng Anh	EPRO101	Ngôn ngữ Anh	3	BB	Kiến thức cơ sở ngành
3	Kỹ năng học đại học	STUD101	Ngôn ngữ Anh	2	BB	Kiến thức cơ sở ngành
4	Kỹ năng tiếng tổng hợp 1	ENGL111	Ngôn ngữ Anh	4	BB	Kiến thức cơ sở ngành
5	Kỹ năng tiếng tổng hợp 2	ENGL121	Ngôn ngữ Anh	4	BB	Kiến thức cơ sở ngành
6	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			15		

19. Ngành Luật

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
2	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
3	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	SSE111	Phát triển kỹ năng	3	BB	Xã hội, lịch sử, văn hóa
4	Lý luận nhà nước và pháp luật	STL111	Luật	3	BB	Kiến thức bắt buộc cơ sở ngành
5	Nghề luật và Đạo đức nghề luật	LPLE112	Luật	2	BB	Kiến thức bắt buộc cơ sở ngành
6	Xây dựng văn bản pháp luật	DLD116	Luật	2	BB	Kiến thức bắt buộc ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		

20. Luật kinh tế

TT	Tên học phần	Mã HP	Bộ môn quản lý	Số tín chỉ	Loại HP	Khối kiến thức
1	Triết học Mác - Lênin	MLP121	Mác - Lênin	3	BB	Lý luận chính trị
2	Kỹ năng số và Khai thác AI	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	BB	Tin học
3	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	SSE111	Phát triển kỹ năng	3	BB	Xã hội, lịch sử, văn hóa
4	Lý luận nhà nước và pháp luật	STL111	Luật	3	BB	Kiến thức bắt buộc cơ sở ngành
5	Nghề luật và Đạo đức nghề luật	LPLE112	Luật	2	BB	Kiến thức bắt buộc cơ sở ngành
6	Kinh tế học cơ bản	PREC312	Mác - Lênin	2	BB	Kiến thức bắt buộc cơ sở ngành
7	Cờ vua	CV111	Giáo dục thể chất	1*	CC	GDTC
	Tổng cộng:			16		